

Số: /PA-UBND

Châu Sơn, ngày 01 tháng 6 năm 2026

PHƯƠNG ÁN

Thực hiện sắp xếp thôn năm 2026 trên địa bàn xã Châu Sơn

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Thực hiện Kế hoạch số 209/KH-UBND ngày 27/5/2026 của UBND tỉnh về việc thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2026;

UBND xã Châu Sơn xây dựng Phương án thực hiện sắp xếp thôn năm 2026 như sau:

I. HIỆN TRẠNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN QUẢN LÝ

1. Tổng số thôn hiện nay: 24 thôn, với 1.362 hộ, quy mô dân số: 5.954 nhân khẩu

2. Số thôn chưa đảm bảo tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định (dưới 150 hộ gia đình đối với thôn: 24 thôn.

(Thống kê theo phục lục I.1, I.2 đính kèm)

II. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP THÔN

1. Phương án sắp xếp thôn: Thôn Bản Hả với thôn Khe Hả

a) Thực trạng các thôn, thực hiện sắp xếp

- Thôn Bản Hả

+ Số hộ gia đình: 56, số nhân khẩu: 259

+ Chính sách đặc thù (Đặc biệt khó khăn, biên giới): Không có

+ Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 02 người.

+ Cơ sở vật chất: Có nhà văn hoá thôn để hoạt động

- Thôn Khe Hả

- + Số hộ gia đình: 37, số nhân khẩu: 199
- + Chính sách đặc thù (*Đặc biệt khó khăn, biên giới*): Không có
- + Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 02 người.

(*Thống kê theo phụ lục I.4 đính kèm*)

- + Cơ sở vật chất: Có nhà văn hoá thôn để hoạt động

b) Tổ chức thôn sau sắp xếp

- Tên thôn mới: **Thôn Bản Hả**

- Số hộ gia đình: **93** (chưa đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình)

- *Giải trình:* Sau sáp nhập chưa đảm bảo 150 hộ. Tuy nhiên, do địa bàn rộng, dân cư phân bố không đồng đều, Diện tích của 02 thôn (Bản Hả, Khe Hả) khoảng 15 km², điểm dân cư đầu thôn và cuối thôn cách xa nhau khoảng 4km, (thôn Bản Hả chiếm 80% là Dân tộc Tày, 20% là dân tộc Dao; thôn Khe Hả chiếm 100% Dân tộc Dao), phong tục tập quán khác nhau. Nếu thực hiện phương án sáp nhập tiếp với thôn liền kề (Thôn Khe Mò) để đạt trên 150 hộ thì thôn hình thành mới sẽ có phạm vi rất rộng. Khoảng cách từ điểm dân cư đầu thôn đến cuối thôn khoảng 8 km. Như vậy, nếu sáp nhập với thôn khác sẽ rất khó khăn trong công tác quản lý, tổ chức các hoạt động của thôn

- Số nhân khẩu: 458

- Chính sách đặc thù (đề xuất): Không có

- + Số người hoạt động không chuyên trách: 04

- + Số lượng tiếp tục bố trí: 03 người

- + Số lượng dôi dư: 01 người

- + Phương án giải quyết dôi dư: 01 người

(*Thống kê theo phụ lục I.5 đính kèm*)

- Cơ sở vật chất: Sử dụng nhà văn hóa thôn Bản Hả

2. Phương án sắp xếp thôn Đồng Quan với các thôn Khe Cầy và thôn Khe Chòi

a) Thực trạng các thôn, thực hiện sắp xếp

- Thôn Đồng Quan

- + Số hộ gia đình: 55, số nhân khẩu: 245

- + Chính sách đặc thù: (*Đặc biệt khó khăn, biên giới*): Không có

- + Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 03 người.

+ Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 03 người.

(Thống kê theo phụ lục I.4 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Có nhà văn hoá thôn để hoạt động

- Thôn Khe Cáy

+ Số hộ gia đình: 39, số nhân khẩu: 201

+ Chính sách đặc thù (*Đặc biệt khó khăn, biên giới*): Không có

+ Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 02 người.

+ Cơ sở vật chất: Có nhà văn hoá thôn để hoạt động

- Thôn Khe Chòi

+ Số hộ gia đình: 43, số nhân khẩu: 216

+ Chính sách đặc thù (*Đặc biệt khó khăn, biên giới*): Không có

+ Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 02 người.

+ Cơ sở vật chất: Có nhà văn hoá thôn để hoạt động

(Thống kê theo phụ lục I.4 đính kèm)

b) Tổ chức thôn sau sắp xếp

- Tên thôn mới: **Thôn Đồng Quan**

- Số hộ gia đình: **137** (chưa đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình)

- *Giải trình:* Sau sáp nhập chưa đảm bảo 150 hộ. Tuy nhiên, do địa bàn rộng, dân cư phân bố không đồng đều, Diện tích 03 thôn (Khe Cáy, Khe Chòi, Đồng Quan) khoảng 25 km², điểm dân cư đầu thôn và cuối thôn cách xa nhau khoảng 6km, 100% Dân tộc Dao), Nếu thực hiện phương án sáp nhập tiếp với thôn liền kề (Thôn Nà Pèo) để đạt trên 150 hộ thì thôn hình thành mới sẽ có phạm vi rất rộng. Khoảng cách từ điểm dân cư đầu thôn đến cuối thôn khoảng 9 km. Một số hộ dân của thôn Khe Chòi, Đồng Quan sống rải rác không tập trung, người dân đi lại chủ yếu đường đồi, đường đất. Như vậy, nếu sáp nhập với thôn khác sẽ rất khó khăn trong công tác quản lý, tổ chức các hoạt động của thôn.

- Số nhân khẩu: 662

- Chính sách đặc thù (đề xuất): Không có

- Số người hoạt động không chuyên trách: 07

+ Số lượng tiếp tục bố trí: 03 người

+ Số lượng dôi dư: 04 người

+ Phương án giải quyết dôi dư: 04 người

(Thống kê theo phục lục I.5 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Sử dụng nhà văn hóa thôn Đồng Quan

3. Phương án sắp xếp thôn Khe Mò với thôn Nà Pẻo

a) Thực trạng các thôn, thực hiện sắp xếp

- Thôn Khe Mò

+ Số hộ gia đình: 62, số nhân khẩu: 293

+ Chính sách đặc thù (*Đặc biệt khó khăn, biên giới*): Không có

+ Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 01 người.

(Thống kê theo phục lục I.4 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Có nhà văn hoá thôn để hoạt động

- Thôn Nà Pẻo

+ Số hộ gia đình: 65, số nhân khẩu: 293

+ Chính sách đặc thù (*Đặc biệt khó khăn, biên giới*): Không có

+ Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 02 người.

(Thống kê theo phục lục I.4 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Có nhà văn hoá thôn để hoạt động

b) Tổ chức thôn sau sắp xếp

- Tên thôn mới: **Thôn Nà Pẻo**

- Số hộ gia đình: **127** (chưa đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình)

- *Giải trình:* Sau sáp nhập chưa đảm bảo 150 hộ. Tuy nhiên, do địa bàn rộng, dân cư phân bố không đồng đều, Diện tích của 02 thôn (Khe Mò và Nà Pẻo) khoảng 20 km², điểm dân cư đầu thôn và cuối thôn cách xa nhau khoảng 4km, (Dân tộc Tày chiếm khoảng 90% và 10% là dân tộc Dao), cơ bản đồng nhất về phong tục tập quán. Nếu thực hiện phương án sáp nhập tiếp với thôn liền kề (Nà Nát) để đạt trên 150 hộ thì thôn hình thành mới sẽ có phạm vi rất rộng, thôn liền kề chủ yếu là dân tộc Dao. Khoảng cách từ điểm dân cư đầu thôn đến cuối thôn khoảng 8 km. Như vậy, nếu sáp nhập với thôn khác sẽ rất khó khăn trong công tác quản lý, tổ chức các hoạt động của thôn.

- Số nhân khẩu: 586

- Chính sách đặc thù (đề xuất): Không có
- Số người hoạt động không chuyên trách: 03
- + Số lượng tiếp tục bố trí: 03 người
- + Số lượng dôi dư: 0 người
- + Phương án giải quyết dôi dư: 0 người

(*Thống kê theo phục lục I.5 đính kèm*)

- + Cơ sở vật chất: Sử dụng nhà văn hóa thôn Khe Mò

4. Phương án sắp xếp thôn Nà Nát với thôn Háng Ý

a) Thực trạng các thôn, thực hiện sắp xếp

- Thôn Nà Nát

- + Số hộ gia đình: 104, số nhân khẩu: 439

- + Chính sách đặc thù (*Đặc biệt khó khăn, biên giới*): Không có

+ Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 02 người.

- + Cơ sở vật chất: Có nhà văn hoá thôn để hoạt động

- Thôn Háng Ý

- + Số hộ gia đình: 78, Số nhân khẩu: 325

- + Chính sách đặc thù (*Đặc biệt khó khăn, biên giới*): Không có

+ Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 02 người.

(*Thống kê theo phục lục I.4 đính kèm*)

- + Cơ sở vật chất: Có nhà văn hoá thôn để hoạt động

b) Tổ chức thôn sau sắp xếp

- Tên thôn mới: **Thôn Nà Háng**

- Số hộ gia đình: **181** (đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình)

- Số nhân khẩu: 764

- Chính sách đặc thù (đề xuất): Không có

- Số người hoạt động không chuyên trách: 04

- + Số lượng tiếp tục bố trí: 03 người

- + Số lượng dôi dư: 01 người

- + Phương án giải quyết dôi dư: 01 người

(Thống kê theo phục lục I.5 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Sử dụng nhà văn hóa thôn Nà Nát

5. Phương án sắp xếp thôn Khe Pặn Ngọn với thôn Khe Pặn Giữa

a) Thực trạng các thôn, thực hiện sắp xếp

- Thôn Khe Pặn Ngọn

+ Số hộ gia đình: 36, số nhân khẩu: 163

+ Chính sách đặc thù: Thôn đặc biệt khó khăn, 100% là người dân tộc Dao, có địa hình phức tạp, khoảng cách với các thôn khác trên địa bàn trên 11 km, dân cư sinh sống rải rác, không tập trung.

+ Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 02 người.

(Thống kê theo phục lục I.4 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Có nhà văn hoá thôn để hoạt động

- Thôn Khe Pặn Giữa

+ Số hộ gia đình: 26, số nhân khẩu: 136

+ Chính sách đặc thù: Thôn đặc biệt khó khăn, 100% là người dân tộc Dao, có địa hình phức tạp, khoảng cách với các thôn khác trên địa bàn trên 11 km, dân cư sinh sống rải rác, không tập trung.

+ Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 02 người.

+ Cơ sở vật chất: Có nhà văn hoá thôn để hoạt động

b) Tổ chức thôn sau sắp xếp

- Tên thôn mới: **Thôn Khe Pặn Ngọn**

- Số hộ gia đình: **62** (chưa đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình)

- *Giải trình:* Sau sáp nhập chưa đảm bảo 150 hộ. Tuy nhiên, do địa bàn rộng, dân cư phân bố không đồng đều, trình độ dân trí còn nhiều hạn chế, thôn Pặn Ngọn dân cư sống không tập trung, hầu như mỗi nhà ở 01 đồi, sống riêng lẻ, các hộ dân đi lại chủ yếu đường đồi, đường đất, qua khe suối... đường xá đi lại rất khó khăn.. Diện tích 02 thôn (Pặn Ngọn và Pặn Giữa) khoảng 30 km², điểm dân cư đầu thôn và cuối thôn cách xa nhau khoảng 11km, 100% là dân tộc Dao), đồng nhất về phong tục tập quán. Nếu thực hiện phương án sáp nhập tiếp với thôn liền kề (Nà Nát) để đạt trên 150 hộ thì thôn hình thành mới sẽ có phạm vi rất rộng, khoảng cách từ điểm dân cư đầu thôn đến cuối thôn khoảng 12 km. Cả 02 thôn (Pặn Ngọn và Pặn Giữa) đều là thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 255/QĐ-BD TTG, ngày 08/5/2026, Quyết định sửa đổi bổ sung, thay thế danh

sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I,II,III giai đoạn 2026 – 2030 tại Quyết định số 60/QĐ-BD TTG ngày 29/01/2026, Quyết định số 104/QĐ-BD TTG ngày 27/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo. Như vậy, nếu sáp nhập với thôn khác sẽ không đảm bảo tiêu chí được công nhận thôn đặc biệt khó khăn, ảnh hưởng đến các chế độ chính sách hỗ trợ của nhà nước với người dân, đặc biệt là chế độ chính sách đối với học sinh và sẽ rất khó khăn trong công tác quản lý, tổ chức các hoạt động của thôn.

- Số nhân khẩu: 299

- Chính sách đặc thù (đề xuất): Thôn đặc biệt khó khăn, 100% là dân tộc Dao.

- Số người hoạt động không chuyên trách: 04

+ Số lượng tiếp tục bố trí: 03 người

+ Số lượng dôi dư: 01 người

+ Phương án giải quyết dôi dư: 01 người

(Thống kê theo phục lục I.5 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Sử dụng nhà văn hóa thôn Khe Pặn Giữa

6. Phương án sáp xếp thôn Thống Nhất với thôn Khe Cù

a) Thực trạng các thôn, thực hiện sáp xếp

- Thôn Thống Nhất

+ Số hộ gia đình: 72, số nhân khẩu: 323

+ Chính sách đặc thù (*Đặc biệt khó khăn, biên giới*): Không có

+ Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 02 người.

(Thống kê theo phục lục I.4 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Có nhà văn hoá thôn để hoạt động

- Thôn Khe Cù

+ Số hộ gia đình: 63, số nhân khẩu: 249

+ Chính sách đặc thù (*Đặc biệt khó khăn, biên giới*): Không có

+ Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 02 người.

(Thống kê theo phục lục I.4 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Có nhà văn hoá thôn để hoạt động

b) Tổ chức thôn sau sắp xếp

- Tên thôn mới: **Thôn Thống Nhất**

- Số hộ gia đình: **135** (Không đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình)

- *Giải trình:* Sau sáp nhập chưa đảm bảo 150 hộ. Tuy nhiên, do địa bàn rộng, dân cư phân bố không đồng đều, Diện tích của 02 thôn (Thống Nhất và Khe Cù) khoảng 25 km², điểm dân cư đầu thôn và cuối thôn cách xa nhau khoảng 7km, (thôn Thống Nhất chiếm khoảng 75% là dân tộc Tày, 25% là dân tộc Dao; thôn Khe Cù khoảng 70% dân tộc Tày, 30% dân tộc Dao), phong tục tập quán khác nhau. Nếu thực hiện phương án sáp nhập tiếp với thôn liền kề (Thôn Nà Van) để đạt trên 150 hộ thì thôn hình thành mới sẽ có phạm vi rất rộng. Khoảng cách từ điểm dân cư đầu thôn đến cuối thôn khoảng 9 km. Như vậy, nếu sáp nhập với thôn khác sẽ rất khó khăn trong công tác quản lý, tổ chức các hoạt động của thôn.

- Số nhân khẩu: 572

- Chính sách đặc thù (đề xuất): Không có

- Số người hoạt động không chuyên trách: 04

+ Số lượng tiếp tục bố trí: 03 người

+ Số lượng dôi dư: 01 người

+ Phương án giải quyết dôi dư: 01 người

(Thống kê theo phục lục I.5 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Sử dụng nhà văn hóa thôn Thống Nhất

7. Phương án sắp xếp thôn Nà Van với thôn Quang Hoà

a) Thực trạng các thôn, thực hiện sắp xếp

- Thôn Nà Van

+ Số hộ gia đình: 57, số nhân khẩu: 238

+ Chính sách đặc thù (*Đặc biệt khó khăn, biên giới*): Không có

+ Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 02 người.

(Thống kê theo phục lục I.4 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Có nhà văn hoá thôn để hoạt động

- Thôn Quang Hoà

+ Số hộ gia đình: 106, số nhân khẩu: 436

+ Chính sách đặc thù (*Đặc biệt khó khăn, biên giới*): Không có

+ Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 02 người.

(Thống kê theo phục lục I.4 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Có nhà văn hoá thôn để hoạt động

b) Tổ chức thôn sau sắp xếp

- Tên thôn mới: **Thôn Quang Hoà**

- Số hộ gia đình: **163** (đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình)

- Số nhân khẩu: 674

- Chính sách đặc thù (đề xuất): Không có

- Số người hoạt động không chuyên trách: 04

+ Số lượng tiếp tục bố trí: 03 người

+ Số lượng dôi dư: 01 người

+ Phương án giải quyết dôi dư: 01 người

(Thống kê theo phục lục I.5 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Sử dụng nhà văn hóa thôn Quang Hoà

8. Phương án sắp xếp thôn Khe Bó với thôn Đồng Nhất

a) Thực trạng các thôn, thực hiện sắp xếp

- Thôn Khe Bó

+ Số hộ gia đình: 112, số nhân khẩu: 454

+ Chính sách đặc thù: *(Đặc biệt khó khăn, biên giới)*: Không có

+ Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 02 người.

(Thống kê theo phục lục I.4 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Có nhà văn hoá thôn để hoạt động

- Thôn Đồng Nhất

- Số hộ gia đình: 78, số nhân khẩu: 321

+ Chính sách đặc thù: *(Đặc biệt khó khăn, biên giới)*: Không có

Thôn có địa hình rộng, đã thực hiện sáp nhập năm 2020, khoảng cách với các thôn khác trên địa bàn trên 4 km, dân cư sinh sống rải rác, không tập trung, chủ dân tộc Tày

+ Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 02 người.

(Thống kê theo phục lục I.4 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Có nhà văn hoá thôn để hoạt động

b) Tổ chức thôn sau sắp xếp

- Tên thôn mới: **Thôn Cường Lợi**

- Số hộ gia đình: **190** (đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình)

- Số nhân khẩu: 775

- Chính sách đặc thù (đề xuất): Không có

- Số người hoạt động không chuyên trách: 04

+ Số lượng tiếp tục bố trí: 03 người

+ Số lượng dôi dư: 01 người

+ Phương án giải quyết dôi dư: 01 người

(Thống kê theo phục lục I.5 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Sử dụng Nhà văn hoá xã Cường Lợi (cũ)

9. Phương án sắp xếp thôn Bản Pia với thôn Bản Xum

a) Thực trạng các thôn, thực hiện sắp xếp

- Thôn Bản Pia

+ Số hộ gia đình: 44, số nhân khẩu: 161

+ Chính sách đặc thù (*Đặc biệt khó khăn, biên giới*): Không có

+ Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 02 người.

(Thống kê theo phục lục I.4 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Có nhà văn hoá thôn để hoạt động

- Thôn Bản Xum

+ Số hộ gia đình: 35, số nhân khẩu: 164

+ Chính sách đặc thù (*Đặc biệt khó khăn, biên giới*): Không có

+ Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 02 người.

(Thống kê theo phục lục I.4 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Có nhà văn hoá thôn để hoạt động

b) Tổ chức thôn sau sắp xếp

- Tên thôn mới: **Thôn Bản Pia**

- Số hộ gia đình: **79** (chưa đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình)

- *Giải trình:* Sau sáp nhập chưa đảm bảo 150 hộ. Tuy nhiên, do địa bàn rộng, dân cư phân bố không đồng đều, Diện tích 02 thôn (Bản Pia và Bản Xum) khoảng 15 km², điểm dân cư đầu thôn và cuối thôn cách xa nhau khoảng 4km, (Bản Pia chủ yếu Dân tộc Tày, Bản Xum khoảng 70% dân tộc Tày, 30% dân tộc Dao) phong tục tập quán khác nhau. Nếu thực hiện phương án sáp nhập tiếp với thôn liền kề (Thôn Khe Bó) để đạt trên 150 hộ thì thôn hình thành mới sẽ có phạm vi rất rộng. Khoảng cách từ điểm dân cư đầu thôn đến cuối thôn khoảng 8 km, một số hộ dân tộc Dao sống rải rác không tập trung, đường xá đi lại khó khăn, chủ yếu đường đồi rừng. Như vậy, nếu sáp nhập với thôn khác sẽ rất khó khăn trong công tác quản lý, tổ chức các hoạt động của thôn.

- Số nhân khẩu: 325

- Chính sách đặc thù (đề xuất): Không có

- Số người hoạt động không chuyên trách: 04

+ Số lượng tiếp tục bố trí: 03 người

+ Số lượng dôi dư: 01 người

+ Phương án giải quyết dôi dư: 01 người

(Thống kê theo phục lục I.5 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Sử dụng nhà văn hóa thôn Bản Pia

10. Phương án sắp xếp thôn Nà Quan với các thôn Khe Lạn, thôn Pắc Coóc và Nà Xoong

a) Thực trạng các thôn, thực hiện sắp xếp

- Thôn Nà Quan

+ Số hộ gia đình: 63, số nhân khẩu: 232

+ Chính sách đặc thù (*Đặc biệt khó khăn, biên giới*): Không có

+ Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 02 người.

(Thống kê theo phục lục I.4 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Có nhà văn hoá thôn để hoạt động

- Thôn Khe Lạn

+ Số hộ gia đình: 15, số nhân khẩu: 70

+ Chính sách đặc thù (*Đặc biệt khó khăn, biên giới*): Thôn đặc biệt khó khăn.

+ Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có

mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 01 người.

(Thống kê theo phục lục I.4 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Có nhà văn hoá thôn để hoạt động

- Thôn Pắc Coóc

+ Số hộ gia đình: 12, số nhân khẩu: 42

+ Chính sách đặc thù (*Đặc biệt khó khăn, biên giới*): Thôn đặc biệt khó khăn

+ Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 03 người.

(Thống kê theo phục lục I.4 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Có nhà văn hoá thôn để hoạt động

- Thôn Nà Xoong

+ Số hộ gia đình: 46, số nhân khẩu: 188

+ Chính sách đặc thù: (*Đặc biệt khó khăn, biên giới*): Không có

+ Số người hoạt động không chuyên trách (chỉ thống kê các chức danh có mặt, không kê các chức danh kiêm nhiệm): 02 người.

(Thống kê theo phục lục I.4 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Có nhà văn hoá thôn để hoạt động

b) Tổ chức thôn sau sắp xếp

- Tên thôn mới: **Thôn Đồng Thắng**

- Số hộ gia đình: **136** (không đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình)

- Số nhân khẩu: 532

- Chính sách đặc thù (đề xuất): Thôn có địa hình rộng, có 02 thôn (Khe Lạn và Pắc Coóc) là thôn ĐBKK.

- Số người hoạt động không chuyên trách: 08

+ Số lượng tiếp tục bố trí: 03 người

+ Số lượng dôi dư: 05 người

+ Phương án giải quyết dôi dư: 05 người

(Thống kê theo phục lục I.5 đính kèm)

+ Cơ sở vật chất: Sử dụng Nhà văn hoá xã (Đồng Thắng cũ)

III. THỰC TRẠNG CÁC THÔN, KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN NHƯNG KHÔNG ĐỀ XUẤT SẮP XẾP

1. Thôn không thực hiện sáp nhập (Khe Luồng)

a) Số hộ gia đình là 58 hộ gia đình với 307 nhân khẩu. Do đặc điểm địa bàn rộng, địa hình chủ yếu là đồi núi, dân cư phân bố không đồng đều, các hộ sinh sống rải rác, phần lớn mỗi hộ ở trên một khu đồi riêng biệt nên việc đi lại, kết nối giữa các hộ dân còn gặp nhiều khó khăn. Thôn có 100% đồng bào dân tộc Dao sinh sống, người dân chủ yếu sử dụng tiếng Dao trong giao tiếp hằng ngày, đồng thời vẫn sử dụng tiếng phổ thông trong các hoạt động hành chính, giao dịch xã hội.

Cộng đồng dân cư trong thôn có tính gắn kết cao, cùng chung nguồn gốc dân tộc, phong tục tập quán, tín ngưỡng truyền thống, lễ hội, trang phục và các nghi lễ văn hóa đặc trưng của dân tộc Dao; đời sống kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông, lâm nghiệp. Đây là những yếu tố tạo nên sự tương đồng cao về văn hóa, xã hội và cộng đồng dân cư trong thôn.

So với các thôn có đồng đồng bào dân tộc Tày trên địa bàn xã, người Dao tại thôn Khe Luồng có những nét văn hóa riêng biệt về ngôn ngữ, chữ viết, trang phục truyền thống, tín ngưỡng dân gian, nghi lễ cấp sắc, phong tục cưới hỏi, tang lễ và các hình thức sinh hoạt cộng đồng. Trong khi dân tộc Tày sử dụng tiếng Tày và có nhiều nét văn hóa gắn với hình thức cư trú tập trung tại các khu vực thung lũng, ven suối, thì đồng bào Dao ở Khe Luồng chủ yếu cư trú phân tán trên các sườn đồi, núi cao. Sự khác biệt về dân tộc, ngôn ngữ, phong tục tập quán và điều kiện cư trú là những yếu tố cần được xem xét trong việc giữ ổn định đơn vị thôn hiện nay nhằm bảo đảm thuận lợi cho công tác quản lý, tuyên truyền, triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đồng thời giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc Dao trên địa bàn.

b) Đặc điểm vị trí địa lý, diện tích thôn khoảng 20 km², địa hình của thôn, bị chia cắt bởi núi cao, và suối lớn. Không tiếp giáp trực tiếp với đường biên giới Việt Nam – Trung Quốc).

c) Điều kiện kết nối giao thông với các thôn liền kề, loại đường cấp 4, tỷ lệ cứng hoá 98%. Khoảng cách đến các trung tâm thôn liền kề là 13km.

d) Thôn đặc biệt khó khăn: Thuộc thôn đặc biệt khó khăn.

đ) Mức độ phủ sóng viễn thông: Lỗm sóng điện thoại, số điểm dân cư chưa có sóng điện thoại là tất cả các điểm dân cư.

e) Các thông tin đặc thù khác: Là thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 255/QĐ-BD TTG, ngày 08/5/2026, Quyết định sửa đổi bổ sung, thay thế danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I,II,III giai đoạn 2026 – 2030 tại Quyết định số 60/QĐ-BD TTG ngày 29/01/2026, Quyết định số 104/QĐ-BD TTG ngày 27/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo. Do vậy, nếu sáp nhập với thôn khác sẽ không đảm bảo tiêu chí được công nhận thôn đặc biệt khó khăn nữa ảnh hưởng đến các chế độ chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với người dân, đặc biệt là chế

độ chính sách đối với học sinh cấp THCS và sẽ rất khó khăn trong công tác quản lý, tổ chức các hoạt động của thôn.

(Thống kê chi tiết nội dung tại phụ lục I.2 đính kèm)

IV. HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Số thôn, tổ dân phố trên địa bàn sau khi sắp xếp, tổ chức lại: **11** thôn

Trong đó: giảm **13** thôn, sau sắp xếp còn **08** thôn chưa đạt tiêu chuẩn quy mô số hộ theo quy định.

2. Sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn, số người hoạt động không chuyên trách ở thôn giảm **16** người so với trước khi sắp xếp.

3. Hiệu quả về tiết kiệm kinh phí, cơ sở vật chất: Sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn đã góp phần tinh gọn bộ máy, giảm chi ngân sách cho hoạt động của thôn; đồng thời sử dụng hiệu quả hơn cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có. Tổng kinh phí tiết kiệm được ước khoảng 45.000.000 đồng/tháng. Tương đương 540.000.000đồng/năm.

Trên đây là Phương án thực hiện sắp xếp thôn năm 2026 trên địa bàn xã Châu Sơn, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- UB MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Công Hưng